

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-PT  
Ngày 08/5/2024  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Dung

**Các Thẩm phán:**

Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Nguyễn Văn Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Lữ Thị Tuyết Lan  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2024/QĐPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đoàn Vĩnh Ph, sinh năm 1979 (có mặt). Nơi cư trú: Số T, đường H, Phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú tại: số S, đường Đ, Phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Q, sinh năm 1979 (có mặt). Nơi cư trú: Số T, đường H, Phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người kháng cáo:** Bà Lê Thị Q - Bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:*

- Về hôn nhân: Ông Ph và bà Q tự tìm hiểu nhau đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông Ph và bà Q sống hạnh phúc khoảng 12 năm. Năm 2013 ông Ph đã gửi đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết nhưng do bận công việc không dự được nên Tòa án đã đình chỉ xét xử. Năm 2016, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 đến nay, ông Ph ít nói chuyện với bà Q mặc dù ở chung nhà. Tháng 7/2023, ông Ph và bà Q sống ly thân với nhau, hiện ông Ph sống với em ruột của anh Ph tại khu phố L, Phường T, thành phố Vĩnh Long. Nay ông Ph xác định không còn tình cảm với bà Q, yêu cầu được ly hôn với bà Q.

- Về con chung: Ông Ph và bà Q có 01 con chung tên Đoàn Lê Đại Q1, sinh ngày 27/11/2007. Cháu Q1 đang sống chung với bà Q, ông Ph yêu cầu giao con cho bà Q nuôi dưỡng, ông Ph cấp dưỡng hàng tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Ph là nhân viên hành chính công tác tại Trường Đại học Cửu Long, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph và bà Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn Lê Thị Q trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, bà Q thống nhất lời trình bày của ông Ph. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, bà thừa nhận vợ chồng có cãi vã nhau nhưng do ông Ph ít nói, tính nóng; một phần do từ tháng 5/2023, bà Q kinh doanh bất động sản gặp nhiều khó khăn, thiếu nợ, nhiều chủ nợ tìm đến nơi ông Ph làm việc yêu cầu trả nợ nên vợ chồng của bà phát sinh mâu thuẫn. Bà Q xác định vẫn còn tình cảm với ông Ph, mong muốn vợ chồng nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn để lo cho con. Do đó bà không đồng ý ly hôn với ông Ph.

- Về con chung: Bà và ông Ph có 01 con chung Đoàn Lê Đại Q1, sinh ngày 27/11/2007. Hiện cháu Q1 đang sống chung với bà và đang đi học tại Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thông. Trường hợp Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mà ông Ph đề xuất. Hiện tại bà làm nghề lao động tự do và kinh doanh bất động sản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Ph tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đoàn Vĩnh Ph với bà Lê Thị Q.

- Về con chung: Giao con chung Đoàn Lê Đại Q1, sinh ngày 27/11/2007 cho bà Lê Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đoàn Vĩnh Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đoàn Lê Đại Q1 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Đoàn Lê Đại Q1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Ph không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Ph không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Ph.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đoàn Vĩnh Ph và bà Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28/02/2024, bà Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, cho bà Q đoàn tụ với ông Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q trình bày: Bà mong muốn đoàn tụ với ông Ph vì bà còn thương chồng và muốn con có cha mẹ cùng chăm lo đầy đủ. Bà yêu cầu cho bà kéo dài thời gian ly hôn một năm để con bà học xong trung học phổ thông.

Ông Ph trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bà Q. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Q. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số:

16/2024/DSST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Về án phí phúc thẩm: Bà Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn Ph và bà Lê Thị Q có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng ông Ph khởi kiện xin ly hôn bà Q. Bản án sơ thẩm xử cho ông Ph được ly hôn bà Q. Bà Q kháng cáo không đồng ý ly hôn.

[2] Xét kháng cáo của bà Q: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Q trình bày, bà mong muốn được đoàn tụ vì bà còn thương ông Ph và vợ chồng cùng chăm lo cho con có đầy đủ cha mẹ. Về phía ông Ph trình bày, sau khi ông và bà Q kết hôn chung sống một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông bà đã sống ly thân nhiều năm, không còn trò chuyện chia sẻ cùng nhau. Nay ông Ph xác định ông không còn tình cảm dành cho bà Q nên ông mới xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, mong muốn đoàn tụ của bà Q không được ông Ph đồng ý. Mặt khác, bà Q cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhiều năm, ông Ph đã sống riêng tại nhà em ruột của ông Ph từ tháng 7/2023 cho đến nay ông bà vẫn không hàn gắn đoàn tụ được. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tình nghĩa vợ chồng: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, nhưng ông Ph xác định không còn tình cảm với bà Q nên không thể tiếp tục cùng nhau thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với bà Q, vì vậy Bản án sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Ph và bà Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và quyết định cho ông Ph được ly hôn với bà Q là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà Q để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Do không chấp nhận kháng cáo của bà Q nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, ông Ph và bà Q có 01 con chung là cháu Đoàn Lê Đại Q1, sinh ngày 27/11/2007. Bà Q đồng ý trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn bà tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q1, đồng ý ông Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Q1 đủ tuổi trưởng thành theo quy định pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, ông Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Q, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 16/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do không chấp nhận kháng cáo nên bà Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Q.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Vĩnh Ph. Ông Đoàn Vĩnh Ph được ly hôn với bà Lê Thị Q.

2. Về con chung: Giao con chung của ông Ph và bà Q là cháu Đoàn Lê Đại Q1, sinh ngày 27/11/2007 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Q1 đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Ông Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Ph không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Ph.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Q phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp ngày 07/3/2024 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0006657 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Chánh án TAND TVL;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL;
- TAND thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hiếu Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Thị Mỹ Dung**